

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM
VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Náo, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 33



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Huân	Thành viên
Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Thành viên
Ông Hồ Sĩ An	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hà Minh Ngọc	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021)
Ông Trần Minh Huy	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021)
Ông Phạm Thế Nghĩa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đỗ Văn Huân	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 05 năm 2021)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng, các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Văn Huân
Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2021

Số: 10/2021/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 22 tháng 07 năm 2021 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.


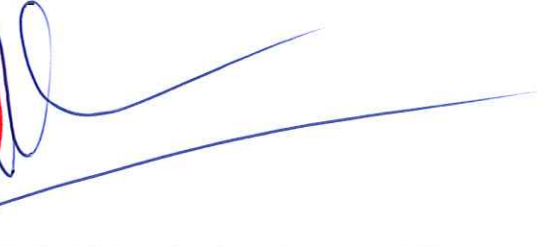
(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Logistics Vicem và công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2021

Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Náo, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		337.278.479.531	326.017.062.253
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		33.291.464.430	20.407.199.266
1. Tiền	111	4.1	33.291.464.430	20.407.199.266
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	167.311.485.470	140.109.765.802
1. Chứng khoán kinh doanh	121		20.990.879.270	20.990.879.270
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(3.641.759.270)	(2.069.495.270)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		149.962.365.470	121.188.381.802
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		134.575.065.091	163.929.402.860
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	128.200.691.613	158.610.389.803
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	1.941.415.700	2.067.952.989
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	6.210.170.874	4.888.205.932
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.777.213.096)	(1.637.145.864)
IV. Hàng tồn kho	140		2.094.318.839	1.421.956.454
1. Hàng tồn kho	141	4.7	2.094.318.839	1.421.956.454
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.145.701	148.737.871
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.616.255	144.988.769
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	529.446	3.749.102
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		81.302.420.790	92.466.487.515
I. Tài sản cố định	220		81.302.420.790	92.466.487.515
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	81.302.420.790	92.466.487.515
Nguyên giá	222		263.421.077.382	263.421.077.382
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(182.118.656.592)	(170.954.589.867)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		418.580.900.321	418.483.549.768

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		94.373.511.374	80.235.425.246
I. Nợ ngắn hạn	310		94.373.511.374	80.235.425.246
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	46.762.357.394	60.656.729.319
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		642.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	1.673.788.947	1.406.861.526
4. Phải trả người lao động	314	4.11	10.606.622.025	12.513.368.504
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	6.505.272.094	1.948.647.018
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	13.824.000.589	807.825.153
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.14	4.937.195.399	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.15	9.422.274.926	2.901.993.726
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		324.207.388.947	338.248.124.522
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	324.207.388.947	338.248.124.522
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.040.000.000	131.040.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		131.040.000.000	131.040.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		53.070.783.332	53.070.783.332
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		127.245.045.585	124.017.503.555
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.875.547.245	29.223.515.474
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		3.470.473.444	2.881.133.597
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.405.073.801	26.342.381.877
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		976.012.785	896.322.161
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		418.580.900.321	418.483.549.768



Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2021

Trần Thị Lý
Kế toán trưởng

Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Náo, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	5.1	150.338.317.985	136.239.401.975
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		150.338.317.985	136.239.401.975
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	133.541.984.373	115.666.236.064
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.796.333.612	20.573.165.911
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.758.646.668	4.146.205.283
6. Chi phí tài chính	22	5.4	1.572.264.688	109.096
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	8.412.799.546	7.768.237.179
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.569.916.046	16.951.024.919
9. Thu nhập khác	31		42.972.201	29.958.433
10. Chi phí khác	32		16.432.716	340.376.877
11. Lợi nhuận khác	40		26.539.485	(310.418.444)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.596.455.531	16.640.606.475
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	2.151.691.106	3.355.721.295
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.444.764.425	13.284.885.180
15. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		8.405.073.801	13.157.015.201
16. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		39.690.624	127.869.979
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.4	641	1.365
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.5	641	1.365



Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2021

Trần Thị Lý
Kế toán trưởng

Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.596.455.531	16.640.606.475
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.6	11.164.066.725	11.112.935.425
Các khoản dự phòng	03		6.649.526.631	3.570.438.015
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.4	-	3.425
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	5.3	(3.758.646.668)	(4.146.205.283)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		24.651.402.219	27.177.778.057
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		29.830.598.624	12.915.745.824
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(672.362.385)	(2.219.598.894)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(10.332.487.898)	(10.390.596.508)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(2.242.593.679)	(2.907.583.960)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.901.218.800)	(3.198.332.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		38.333.338.081	21.377.412.419
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(47.000.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(98.061.282.299)	(85.322.389.383)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		69.287.298.631	67.185.207.811
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.284.910.751	3.180.724.410
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(25.489.072.917)	(15.003.457.162)

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		40.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		40.000.000	-
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ	50		12.884.265.164	6.373.955.257
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20.407.199.266	13.215.546.389
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(3.425)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	4.1	33.291.464.430	19.589.498.221



Đỗ Văn Hoàn
Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2021


Trần Thị Lý
Kế toán trưởng


Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo:

- Quyết định Số 24/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ cổ phần hóa từ Xí nghiệp Vận tải của Công ty Xi măng Hà Tiên 1 thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam;
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301975289 ngày 24 tháng 04 năm 2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 01 tháng 07 năm 2020 để đổi tên công ty (tên cũ: Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên) và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Ngày 07 tháng 12 năm 2005, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY của Ủy ban chứng khoán Nhà nước với mã chứng khoán HTV.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần đây nhất là 131.040.000.000 VND được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	65.623.610.000	50,08	65.623.610.000	50,08
Các cổ đông khác	65.416.390.000	49,92	65.416.390.000	49,92
Cộng	131.040.000.000	100,00	131.040.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 296, Đường Trần Nãi, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là “Nhóm Công ty”).

Tổng số nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 239 (31 tháng 12 năm 2020 là: 241).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm Công ty là:

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (từ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác và không hoạt động tại trụ sở);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và không hoạt động tại trụ sở);
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, kinh doanh vận chuyển hàng không và không hoạt động tại trụ sở);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, trừ cho thuê lại lao động);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi);
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Nhóm Công ty được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 01 công ty con trực tiếp.

1.6. Công ty con được hợp nhất

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức	Lầu 05, Tòa nhà Landmark, 5B Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	65%	65%	65%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng hình thức Kế toán trên máy vi tính.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm Công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Nhóm Công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho giao đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và là chứng khoán mua bán tự do trên thị trường khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chứng khoán được trích lập để phản ánh khoản lỗ do tổn thất với mức tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 08 năm |

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.7. Thuê tài sản

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo.

3.10. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí lãi vay.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong kỳ vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế, phí và lệ phí; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

3.15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm Công ty.

3.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Nhóm Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm Công ty, Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Nhóm Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	237.961.827	262.023.738
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.053.502.603	20.145.175.528
Cộng	33.291.464.430	20.407.199.266

4.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Chứng khoán kinh doanh là khoản đầu tư cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1, được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Giá gốc	20.990.879.270	20.990.879.270
Giá trị hợp lý	17.349.120.000	18.921.384.000
Dự phòng	(3.641.759.270)	(2.069.495.270)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 06 - 12 tháng.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 7	73.851.597.536	102.070.463.380
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Long Phước	25.903.578.452	26.737.794.884
Các khách hàng khác	28.445.515.625	29.802.131.539
Cộng	128.200.691.613	158.610.389.803

Tại ngày 30/06/2021, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng ngắn hạn.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	389.355.989
Trả trước cho người bán:		
Ông Đỗ Khôi Nguyên	594.240.000	418.000.000
Ông Nguyễn Văn Hình	360.855.000	328.050.000
Công ty Cổ phần Hàng Hải Seven Seas	273.000.000	460.000.000
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	223.977.000	223.977.000
Các nhà cung cấp khác	489.343.700	248.570.000
Cộng	1.941.415.700	2.067.952.989

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác từ các bên liên quan - Xem thêm mục 7	450.000.000	-	450.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác:				
Lãi dự thu	3.091.903.619	-	2.777.568.553	-
Phải thu từ bồi thường	2.001.991.654	-	1.096.384.803	-
Tạm ứng cho nhân viên	647.357.585	-	-	-
Phải thu khác	18.918.016	-	564.252.576	-
Cộng	6.210.170.874	-	4.888.205.932	-

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	2.248.053.682	470.840.585	1.793.560.733	156.414.869

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Náo, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV Cát Vạn Hưng	979.302.000	-	Trên 03 năm	979.302.000	-	Trên 03 năm
Công ty TNHH Cát Tường Hậu Giang	459.522.890	-	Trên 03 năm	459.522.890	-	Trên 03 năm
Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại DIC	190.452.185	57.135.655	Từ 02 đến dưới 03 năm	190.452.185	57.135.655	Từ 02 đến dưới 03 năm
Công ty TNHH Sơn Hạ Long	30.000.000	9.000.000	Từ 02 đến dưới 03 năm	30.000.000	9.000.000	Từ 02 đến dưới 03 năm
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đầu tư Tổng hợp & Hợp tác Quốc tế	18.596.737	5.579.021	Từ 02 đến dưới 03 năm	18.596.737	9.298.368	Từ 01 đến dưới 02 năm
Công ty Cổ phần Bảo Việt Phát	570.179.870	399.125.909	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	-	-	-
Các khách hàng khác	-	-	-	115.686.921	80.980.846	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm
Cộng	2.248.053.682	470.840.585		1.793.560.733	156.414.869	

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.740.521.757	-	753.376.472	-
Công cụ, dụng cụ	168.718.738	-	140.088.738	-
Hàng gửi đi bán	185.078.344	-	528.491.244	-
Cộng	2.094.318.839	-	1.421.956.454	-

(Xem trang tiếp theo)

89-C
TY
H
TUV
NAM
Đ C
LOGI
VN 2

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Náo, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2021	2.203.932.585	255.660.226.380	5.556.918.417	263.421.077.382
Tại ngày 30/06/2021	2.203.932.585	255.660.226.380	5.556.918.417	263.421.077.382
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2021	2.112.596.988	166.639.168.094	2.202.824.785	170.954.589.867
Khấu hao trong kỳ	30.445.194	10.786.081.476	347.540.055	11.164.066.725
Tại ngày 30/06/2021	2.143.042.182	177.425.249.570	2.550.364.840	182.118.656.592
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2021	91.335.597	89.021.058.286	3.354.093.632	92.466.487.515
Tại ngày 30/06/2021	60.890.403	78.234.976.810	3.006.553.577	81.302.420.790

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 59.118.867.416 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nào, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7	993.062.383	993.062.383	721.387.097	721.387.097
Phải trả cho người bán:				
Doanh nghiệp tư nhân Trung Tài	20.936.551.004	20.936.551.004	29.646.720.068	29.646.720.068
Công ty TNHH Vận tải Hân Tiến	5.328.930.970	5.328.930.970	7.310.277.704	7.310.277.704
Phải trả cho các đối tượng khác	19.503.813.037	19.503.813.037	22.978.344.450	22.978.344.450
Cộng	46.762.357.394	46.762.357.394	60.656.729.319	60.656.729.319

4.10. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2021		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2021	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	535.902.294	5.255.191.878	4.719.289.584	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	529.446	1.123.340.660	2.152.220.552	2.242.593.679	3.749.102	1.217.462.889
Thuế thu nhập cá nhân	-	14.545.993	732.873.705	907.726.349	-	189.398.637
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	500.427.040	500.427.040	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Cộng	529.446	1.673.788.947	8.646.713.175	8.376.036.652	3.749.102	1.406.861.526

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương còn phải trả cho cán bộ, công nhân viên tại ngày 30/06/2021.

4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Chi phí thuê ngoài vận chuyển	6.310.272.094	1.739.647.018
Các khoản chi phí phải trả khác	195.000.000	209.000.000
Cộng	6.505.272.094	1.948.647.018

4.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7	6.562.483.200	-
Phải trả cho các đối tượng khác:		
Cổ tức phải trả	6.545.206.505	3.689.705
Nhận ký quỹ, ký cược	546.000.000	546.000.000
Các khoản phải trả khác	170.310.884	258.135.448
Cộng	13.824.000.589	807.825.153

4.14. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là khoản trích chi phí dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định tại ngày 30/06/2021.

4.15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu kỳ	2.901.993.726	1.914.972.594
Trích lập trong kỳ	9.421.500.000	8.493.330.000
Sử dụng trong kỳ	(2.901.218.800)	(3.198.332.100)
Số dư cuối kỳ	9.422.274.926	7.209.970.494

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Náo, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu				Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng
	VND	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2020	131.040.000.000	53.070.783.332	120.157.473.979	30.959.293.173	578.985.320	335.806.535.804			
Lãi trong năm trước	-	-	-	26.342.381.877	317.336.841	26.659.718.718			
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.860.029.576	(3.860.029.576)	-	-			
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(8.493.330.000)	-	(8.493.330.000)			
Chia cổ tức	-	-	-	(15.724.800.000)	-	(15.724.800.000)			
Tại ngày 01/01/2021	131.040.000.000	53.070.783.332	124.017.503.555	29.223.515.474	896.322.161	338.248.124.522			
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	40.000.000	40.000.000			
Lãi trong kỳ này	-	-	-	8.405.073.801	39.690.624	8.444.764.425			
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.227.542.030	(3.227.542.030)	-	-			
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(9.421.500.000)	-	(9.421.500.000)			
Chia cổ tức	-	-	-	(13.104.000.000)	-	(13.104.000.000)			
Tại ngày 30/06/2021	131.040.000.000	53.070.783.332	127.245.045.585	11.875.547.245	976.012.785	324.207.388.947			

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.16.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.104.000	13.104.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	13.104.000	13.104.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.104.000	13.104.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.16.3. Cổ tức

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25 tháng 06 năm 2021, tỷ lệ chia cổ tức năm 2020 là 10% trên vốn điều lệ.

4.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông công ty mẹ	8.405.073.801	13.157.015.201
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	4.726.488.949
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.405.073.801	17.883.504.150
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	13.104.000	13.104.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	641	1.365

(*) Đến ngày 30/06/2021, Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021.

4.16.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông công ty mẹ	8.405.073.801	13.157.015.201
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	4.726.488.949
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	8.405.073.801	17.883.504.150
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	13.104.000	13.104.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	13.104.000	13.104.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	641	1.365

(*) Đến ngày 30/06/2021, Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.16.6. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2021	124.017.503.555
Trích trong kỳ	3.227.542.030
Chi trong kỳ	-
Tại ngày 30/06/2021	127.245.045.585

4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
Ngoại tệ các loại:		
USD	118,27	124,87

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu dịch vụ vận tải đường thủy	135.375.630.377	124.114.218.610
Doanh thu dịch vụ vận tải đường bộ	6.502.468.413	3.811.907.920
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	4.816.544.444	4.804.417.173
Doanh thu bốc dỡ hàng hóa	2.443.674.751	1.805.457.420
Doanh thu cho thuê kho	1.200.000.000	1.200.000.000
Doanh thu dịch vụ khác	-	503.400.852
Cộng	150.338.317.985	136.239.401.975
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7	81.388.062.017	76.942.582.531

5.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	129.348.836.454	111.349.499.891
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.193.147.919	4.316.736.173
Cộng	133.541.984.373	115.666.236.064

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là khoản lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh trong kỳ.

5.4. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	1.572.264.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	688	105.671
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.425
Cộng	1.572.264.688	109.096

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.727.640.202	3.476.633.090
Chi phí vật liệu quản lý	107.579.970	98.550.899
Chi phí đồ dùng văn phòng	52.896.000	169.063.909
Chi phí khấu hao tài sản cố định	377.985.249	290.294.869
Thuế phí, lệ phí	1.378.594.853	1.287.138.611
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	140.067.232	(341.306.131)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	833.338.347	605.038.101
Chi phí khác bằng tiền	1.794.697.693	2.182.823.831
Cộng	8.412.799.546	7.768.237.179

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.257.368.431	9.201.488.923
Chi phí nhân công	27.410.916.597	22.296.549.408
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.164.066.725	11.112.935.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.184.667.241	78.978.981.787
Chi phí khác bằng tiền	1.937.764.925	1.844.517.700
Cộng	141.954.783.919	123.434.473.243

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	10.596.455.531	16.640.606.475
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	162.000.000	138.000.000
Thu nhập tính thuế	10.758.455.531	16.778.606.475
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	2.151.691.106	3.355.721.295

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty cung cấp, hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Hoạt động của Nhóm Công ty hoàn toàn tại Việt Nam nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

Do vậy, Nhóm Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ
2. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức	Công ty con
3. Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty có cùng Công ty mẹ
4. Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Công ty có cùng Công ty mẹ
5. Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	Công ty có cùng Công ty mẹ
6. Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	Công ty cùng Tổng Công ty
7. Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhon Trạch	Công ty cùng Tổng Công ty
8. Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Công ty cùng Tổng Công ty
9. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2021 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2021 VND</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	69.189.665.057	96.781.961.761
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	2.574.470.486	3.401.546.498
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	2.013.266.993	1.886.955.121
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	74.195.000	-
Cộng - Xem thêm mục 4.3	<u>73.851.597.536</u>	<u>102.070.463.380</u>

Phải thu ngắn hạn khác - Xem thêm mục 4.5

Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	450.000.000	450.000.000
--	-------------	-------------

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	(528.000.000)	(721.387.097)
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	(465.062.383)	-
Cộng - Xem thêm mục 4.9	(993.062.383)	(721.387.097)
Phải trả ngắn hạn khác - Xem thêm mục 4.13		
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	(6.562.483.200)	-
Trong kỳ, Nhóm Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	73.888.112.224	71.397.719.801
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	4.271.890.243	2.263.892.856
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	2.969.259.550	3.098.767.332
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	258.800.000	-
Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch	-	182.202.542
Cộng - Xem thêm mục 5.1	81.388.062.017	76.942.582.531
Thuê tài sản:		
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	2.880.000.000	937.419.355
Mua dịch vụ:		
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	776.743.974	687.475.668
Cổ tức đã chia:		
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	6.562.483.200	7.874.979.840

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Công ty được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Đỗ Văn Huân	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	372.000.000	378.000.000
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	-
Ông Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu ngày 01/05/2021)	151.544.000	227.316.000
Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Hồ Sỹ An	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Cộng		631.544.000	677.316.000

8. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	111.000.000	111.000.000

9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty thuê đất và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là dưới 1 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	586.427.040	1.307.273.496

Tại ngày 30/06/2021, Nhóm Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2021 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2021 VND</u>
Từ 1 năm trở xuống	486.763.232	258.000.000

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. SỐ LIỆU SỐ SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	Kỳ trước VND (Được báo cáo lại)	Kỳ trước VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.365	1.004
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.365	1.004

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước được báo cáo lại do Nhóm Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 246/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 06 năm 2021.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN


Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù không tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Nhóm Công ty đến ngày 30/06/2021 nhưng Nhóm Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Ngoài ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 30/06/2021 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Nhóm Công ty trong những giai đoạn tài chính sắp tới.




Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2021


Trần Thị Lý
Kế toán trưởng


Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập